

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG BIÊN HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 299.975.800.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phạm Thị Sum	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bá Chủ	Phó Chủ tịch thường trực (từ nhiệm ngày 8/4/2011)
Ông Phạm Đình Mạnh Thu	Phó Chủ tịch thường trực (bổ nhiệm ngày 22/4/2011)
Ông Nguyễn Xuân Trinh	Phó Chủ tịch
Ông Bùi Văn Lang	Thành viên
Ông Thái Văn Trọng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Lộc	Thành viên
Ông Phạm Công Hải	Thành viên
Ông Trần Tấn Phát	Thành viên
Bà Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên
Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Văn Lộc	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Lang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Công Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Biên Hòa, ngày 05 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

Số: 12.107/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các cổ đông**
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HOÀ

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 05 tháng 3 năm 2012 của Công ty cổ phần Đường Biên Hoà (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 5 đến trang 32 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Đường Biên Hoà vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 3 năm 2012

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LỤC THỊ VÂN

Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGÔ THANH BÌNH

Chứng chỉ KTV số 0524/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		757.863.451.133	621.675.067.872
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	178.768.684.421	58.715.074.785
1. Tiền	111		16.868.684.421	21.021.465.707
2. Các khoản tương đương tiền	112		161.900.000.000	37.693.609.078
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	5.2	244.358.082.563	265.738.591.717
1. Phải thu khách hàng	131		56.772.429.233	52.573.698.173
2. Trả trước cho người bán	132		179.856.412.658	141.542.960.961
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		7.729.240.672	71.811.210.927
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139			(189.278.344)
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	329.693.775.429	293.294.485.453
1. Hàng tồn kho	141		329.693.775.429	293.294.485.453
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.042.908.721	3.926.915.917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.408.409.664	3.222.012.594
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.634.499.057	704.903.323

(phần tiếp theo trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		531.997.624.584	398.348.035.089
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	5.4	58.765.140.846	65.945.864.185
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		68.919.908.057	76.557.753.919
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(10.154.767.211)	(10.611.889.734)
II. Tài sản cố định	220		405.629.859.654	276.843.147.883
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	200.644.469.993	219.856.575.116
+ Nguyên giá	222		518.686.886.951	489.780.827.745
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(318.042.416.958)	(269.924.252.629)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	11.870.988.153	13.591.165.650
+ Nguyên giá	228		18.518.781.931	18.518.781.931
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.647.793.778)	(4.927.616.281)
4. Giá trị xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	193.114.401.508	43.395.407.117
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.8	52.775.710.000	51.217.600.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		22.000.000.000	22.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258		50.239.701.076	48.358.701.076
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.463.991.076)	(19.141.101.076)
V. Tài sản dài hạn khác	260		14.826.914.085	4.341.423.021
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		7.920.159.075	3.087.118.011
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	5.9	1.254.305.010	1.254.305.010
3. Tài sản dài hạn khác	268		5.652.450.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.289.861.075.717	1.020.023.102.961

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		736.670.072.747	520.345.337.002
I. Nợ ngắn hạn	310		631.556.688.102	405.194.030.976
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	361.712.095.401	224.775.330.583
2. Phải trả người bán	312	5.11	84.638.757.039	39.059.817.248
3. Người mua trả tiền trước	313	5.11	131.773.602.991	49.497.537.329
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	314	5.12	16.636.756.518	18.527.751.660
5. Phải trả người lao động	315	5.13	1.938.277.345	7.728.496.156
6. Chi phí phải trả	316	5.14	4.828.609.292	15.776.793.510
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.15	13.945.380.259	45.729.979.407
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.16	16.083.209.257	4.098.325.083
II. Nợ dài hạn	330		105.113.384.646	115.151.306.026
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.17	104.338.661.817	114.541.165.363
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		774.722.829	610.140.663
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		553.191.002.970	499.677.765.959
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18.1	553.191.002.970	499.677.765.959
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.18.2	299.975.800.000	185.316.200.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.817.240.000	154.476.840.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		65.413.962.846	43.083.053.253
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		17.795.379.602	10.351.743.071
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.18.5	130.188.620.522	106.449.929.635
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.289.861.075.717	1.020.023.102.961

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		378.751.390	127.231.420
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý		2.339.968.982	2.175.327.188
5. Ngoại tệ các loại + USD		12.557,97	60.142,21
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Biên Hoà, ngày 05 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.569.297.295.201	2.016.397.664.758
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.386.023.135	2.982.528.820
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6,1	2.567.911.272.066	2.013.415.135.938
4. Giá vốn hàng bán	11	6,2	2.300.711.495.494	1.763.289.250.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		267.199.776.572	250.125.885.537
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6,3	36.263.473.377	17.785.046.874
7. Chi phí tài chính	22	6,4	80.354.988.941	46.355.699.172
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		72.189.604.951	42.526.788.304
8. Chi phí bán hàng	24	6,5	32.744.020.762	26.003.196.785
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6,6	39.520.385.347	26.930.005.688
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		150.843.854.899	168.622.030.766
11. Thu nhập khác	31	6,7	11.381.466.420	4.649.043.757
12. Chi phí khác	32	6,8	518.765.759	4.601.202.251
13. Lợi nhuận khác	40		10.862.700.661	47.841.506
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		161.706.555.560	168.669.872.272
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6,9	12.784.481.532	19.797.141.655
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		148.922.074.028	148.872.730.617

Biên Hoà, ngày 05 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		2.731.471.975.075	2.177.328.474.959
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch vụ	02		(1.737.504.911.174)	(1.400.264.977.563)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(89.621.038.256)	(72.401.108.632)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(76.777.765.575)	(42.330.474.752)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(16.352.329.420)	(14.222.537.334)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		460.340.992.551	59.543.459.128
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.108.897.658.096)	(560.911.300.655)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SX - KD	20		162.659.265.105	146.741.535.151
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	21		(96.430.079.636)	(7.320.762.535)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các loại tài sản dài hạn khác	22		2.002.000.000	4.748.333.993
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(197.602.418.467)	(141.672.988.558)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		176.488.323.874	104.571.640.892
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.881.000.000)	(26.346.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			20.335.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.975.928.800	4.715.917.523
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(103.447.245.429)	(40.968.858.685)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn và dài hạn đã nhận được	33		1.440.345.289.694	973.537.827.653
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.316.895.402.902)	(1.043.456.490.702)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(62.674.424.900)	(62.594.878.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động Tài chính	40		60.775.461.892	(132.513.541.949)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		119.987.481.568	(26.740.865.483)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	58.715.074.785	86.126.277.361
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		66.128.068	(670.337.093)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5.1	178.768.684.421	58.715.074.785

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

Biên Hoà, ngày 05 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 44/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà Nước thành công ty cổ phần.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 5 năm 2001 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 12 năm 2011.

Trụ sở và nhà máy đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 299.975.800.000 đồng.

Công ty có cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 79/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 11 năm 2006 của Chủ tịch Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

Các Nhà máy và Chi nhánh trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 gồm:

- Nhà máy Đường Biên Hòa - Tây Ninh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 450300000501 ngày 13 tháng 6 năm 2001.
- Nhà máy Đường Biên Hòa – Trị An: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4713000435 ngày 07 tháng 12 năm 2007.
- Xí nghiệp Nông nghiệp Thành Long: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600495818-010 ngày 15 tháng 7 năm 2009.
- Chi nhánh Hồ Chí Minh: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4113013142 ngày 15 tháng 9 năm 2003.
- Chi nhánh Đà Nẵng: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3213000033 ngày 11 tháng 6 năm 2001.
- Chi nhánh Cần Thơ: thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5713000208 ngày 8 tháng 6 năm 2001.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất các sản phẩm mía đường.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm sản xuất có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường.
- Mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường. Sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường.
- Mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật tư ngành mía đường.
- Sản xuất, mua bán sản phẩm rượu các loại. Sản xuất, mua bán cồn.
- Cho thuê kho bãi.
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Kinh doanh bất động sản.
- Dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống.
- Dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán và đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Đối với các tài sản cố định hữu hình trực tiếp tham gia sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An: từ năm tài chính 2009, Công ty đã chuyển đổi từ phương pháp khấu hao đường thẳng sang phương pháp khấu hao theo sản lượng theo Quyết định số 010/2009/QĐ-BHS-HĐQT ngày 02 tháng 3 năm 2008 của Hội Đồng Quản Trị. Theo đó, mức khấu hao định mức là 548 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Tây Ninh và 765 đồng/kg đường thô sản xuất tại Nhà máy Trị An.

Đối với các tài sản cố định còn lại: nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 15 năm
+ Máy móc thiết bị	2 – 12 năm
+ Phương tiện vận tải	3 – 7 năm
+ Thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
+ Chi phí đền bù, giải tỏa	5 – 20 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.6. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Trong năm 2011, Công ty đã thay đổi phương pháp ghi nhận chi phí hỗ trợ trồng mới mía nguyên liệu từ việc ghi nhận theo phương pháp dự chi sang ghi nhận theo phương pháp thực chi vì Ban Tổng Giám Đốc Công ty tin rằng việc thay đổi này sẽ phù hợp với thực tế phát sinh chi phí và đặc điểm kinh doanh của Công ty.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế.

Các quỹ dự trữ được trích lập theo quy định tại Điều lệ Công ty.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.
- Lãi đầu tư trồng mía là lãi phải thu từ khoản ứng vốn cho nông dân trồng mía và được ghi nhận trên cơ sở thực thu.

4.11. Thuê tài sản

Các hợp đồng được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu tài sản cho Công ty. Các hợp đồng không thỏa điều kiện nêu trên được phân loại là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế:

Đối với hoạt động sản xuất:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 12 năm, kể từ năm 2001 là 15%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 7 năm tiếp theo.

Đối với hoạt động thương mại:

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi trong 10 năm, kể từ năm 2001 là 20%.
- Miễn 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (năm 2001) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo.

Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm 2010 và năm 2011 đối với hoạt động sản xuất; năm 2009 và năm 2010 đối với hoạt động thương mại do có chứng khoán niêm yết lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Công văn số 153/TCT-PC ngày 14/1/2010 của Tổng Cục Thuế.

Ngoài ra, theo Nghị quyết 08/2011/QH13 ngày 6/8/2011 của Quốc Hội, Công ty thuộc đối tượng được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp của năm 2011 do thuộc đối tượng sử dụng nhiều lao động trong hoạt động chế biến nông sản.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.13. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.15. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được điều chỉnh lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)

	Năm trước (Trình bày lại)	Năm trước (Đã được trình bày trước đây)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	59.543.459.128	3.845.728.000.627
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(560.911.300.655)	(4.347.095.842.154)

Nguyên nhân điều chỉnh các số liệu trên là do thay đổi cách lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ từ phân tích và tổng hợp trực tiếp các khoản tiền thu và chi theo từng nội dung thu, chi từ các ghi chép kế toán của doanh nghiệp sang điều chỉnh doanh thu, giá vốn hàng bán và các khoản mục khác trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho:

- Các thay đổi trong kỳ của hàng tồn kho, các khoản phải thu và các khoản phải trả từ hoạt động kinh doanh.
- Các khoản mục không phải bằng tiền khác.
- Các luồng tiền liên quan đến hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính.

Việc thay đổi này đã loại trừ các khoản tiền thu, chi nội bộ mà theo cách lập trước đây được tổng hợp vào thu tiền hoặc chi tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	184.595.714	1.677.314.121
Tiền gửi ngân hàng	16.684.088.707	19.344.151.586
Các khoản tương đương tiền	161.900.000.000	37.693.609.078
Tổng cộng	178.768.684.421	58.715.074.785

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 3 tháng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	56.772.429.233	52.573.698.173
Trả trước cho người bán	179.856.412.658	141.542.960.961
Các khoản phải thu khác	7.729.240.672	71.811.210.927
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	244.358.082.563	265.927.870.061
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(189.278.344)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	244.358.082.563	265.738.591.717

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Các khoản phải thu khách hàng được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng sau đây - xem thêm mục 5.10:

- Ngân hàng China Trust với giá trị khoản phải thu là 3.114.480 USD.
- Ngân hàng HSBC với giá trị khoản phải thu là 4.000.000 USD.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Khoản mục Trả trước cho người bán đã bao gồm khoản ứng vốn ngắn hạn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An với số tiền 126.603.233.903 đồng.

Các khoản phải thu khác chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu tiền vận chuyển chi hộ cho nông dân	4.837.771.806	4.862.309.858
Lãi dự thu	875.905.253	-
Phải thu Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk) về lô hàng xuất cho mượn	-	64.427.181.154
Cho Công ty TNHH Hải Vi vay	-	1.007.100.000
Dự án Nhà ở cán bộ công nhân viên	-	699.816.435
Khác	2.015.563.613	814.803.480
Cộng	7.729.240.672	71.811.210.927

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	133.480.169.995	132.673.621.795
Công cụ, dụng cụ	12.258.262.460	11.483.057.541
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	99.468.087.676	64.019.575.252
Thành phẩm	79.965.758.120	79.786.452.554
Hàng hóa	4.521.497.178	5.331.778.311
Cộng giá gốc hàng tồn kho	329.693.775.429	293.294.485.453
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	329.693.775.429	293.294.485.453

Giá trị hàng tồn kho đã được thể chấp tương ứng với dự nợ vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Đồng Nai theo từng thời điểm – xem thêm mục 5.10.

5.4. Các khoản phải thu dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu dài hạn khác	68.919.908.057	76.557.753.919
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(10.154.767.211)	(10.611.889.734)
Giá trị thuần có thể thực hiện được	58.765.140.846	65.945.864.185

Phải thu dài hạn khác là khoản ứng vốn dài hạn cho nông dân trồng mía tại Nhà máy Tây Ninh và Nhà máy Trị An.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	108.697.778.384	364.958.809.148	11.055.168.389	5.069.071.824	489.780.827.745
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	28.921.750.095	-	-	28.921.750.095
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.690.889)	-	(15.690.889)
Số dư cuối năm	108.697.778.384	393.880.559.243	11.039.477.500	5.069.071.824	518.686.886.951
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	61.962.973.401	199.917.298.194	5.439.930.299	2.604.050.735	269.924.252.629
Khấu hao trong năm	8.448.997.286	37.831.274.391	1.309.624.867	543.958.674	48.133.855.218
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(15.690.889)	-	(15.690.889)
Số dư cuối năm	70.411.970.687	237.748.572.585	6.733.864.277	3.148.009.409	318.042.416.958
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	46.734.804.983	165.041.510.954	5.615.238.090	2.465.021.089	219.856.575.116
Số dư cuối năm	38.285.807.697	156.131.986.658	4.305.613.223	1.921.062.415	200.644.469.993

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn là 132.485.903.264 đồng - xem thêm mục 5.17

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 63.978.258.393 đồng.

Các cam kết liên quan đến mua bán tài sản chưa thực hiện là 9.823.203.500 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí đền bù, san lấp	Bản quyền Microsoft	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	14.759.072.958	2.826.617.042	933.091.931	18.518.781.931
Số dư cuối năm	14.759.072.958	2.826.617.042	933.091.931	18.518.781.931
Số dư đầu năm	3.093.253.029	1.834.363.252	-	4.927.616.281
Khấu hao trong năm	1.470.990.629	249.186.868	-	1.720.177.497
Số dư cuối năm	4.564.243.658	2.083.550.120	-	6.647.793.778
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	11.665.819.929	992.253.790	933.091.931	13.591.165.650
Số dư cuối năm	10.194.829.300	743.066.922	933.091.931	11.870.988.153

Giá trị còn lại cuối năm của quyền sử dụng đất đã dùng thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng là 4.487.722.480 đồng - xem thêm mục 5.10.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 81.667.841 đồng.

5.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Dự án đầu tư thiết bị nâng hiệu suất ép và công suất đạt 4.000 tấn mía/ngày tại Nhà máy đường Biên Hoà – Tây Ninh	81.622.185.125	10.637.821.542
Dự án tiết kiệm năng lượng và nâng công suất giai đoạn I tại PX đường luyện - Nhà máy Biên Hoà	23.658.234.354	2.000.894.319
Dự án đầu tư nâng công suất giai đoạn I lên 2.000 tấn mía/ngày tại Nhà máy đường Biên Hoà-Trị An	11.847.519.136	7.475.288.986
Dự án trồng và sản xuất mía đường tại Campuchia	39.282.376.555	-
Dự án Cụm Chế biến Công nghiệp Tây Sông Vàm Cỏ	18.696.557.327	17.931.926.132
Các dự án khác	18.007.529.011	5.349.476.138
Tổng cộng	193.114.401.508	43.395.407.117

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	22.000.000.000	22.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	50.239.701.076	48.358.701.076
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	72.239.701.076	70.358.701.076
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(19.463.991.076)	(19.141.101.076)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	52.775.710.000	51.217.600.000

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi với tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết là 100%.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là đầu tư cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	1.442.100	41.239.701.076	1.248.000	39.358.701.076
Cổ phiếu CTCP Giao dịch hàng hóa Sài Gòn Thương Tín	750.000	9.000.000.000	750.000	9.000.000.000
Cộng	2.192.100	50.239.701.076	1.998.000	48.358.701.076

5.9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định năm 2006, được khấu trừ từ năm 2012 đến năm 2014.

5.10. Vay và nợ ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	322.964.681.280	200.037.852.462
Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.17	38.747.414.121	24.737.478.121
Tổng cộng	361.712.095.401	224.775.330.583

Các khoản vay ngân hàng là các khoản vay chịu lãi suất từ 15,5%/năm đến 16,2%/năm đối với khoản vay bằng VND và từ 5,6%/năm đến 6,7%/năm đối với khoản vay bằng USD. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Các khoản phải thu khách hàng – xem thêm mục 5.2.
- Giá trị hàng tồn kho - xem thêm mục 5.3.
- Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại là 4.487.722.480 đồng - xem thêm mục 5.6.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	84.638.757.039	39.059.817.248
Người mua trả tiền trước	131.773.602.991	49.497.537.329
Tổng cộng	216.412.360.030	88.557.354.577

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	9.221.478.357	6.853.121.897
Thuế tiêu thụ đặc biệt	205.466.011	67.933.751
Thuế nhập khẩu	4.110.457.994	4.238.991.404
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.958.288.657	6.526.136.545
Thuế thu nhập cá nhân	141.065.499	841.568.063
Tổng cộng	16.636.756.518	18.527.751.660

5.13. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2011 còn phải trả.

5.14. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí vận chuyển nội bộ	2.387.587.320	-
Chi phí nước	390.000.317	697.999.239
Chi phí hỗ trợ đầu tư	-	14.553.336.822
Khác	2.051.021.655	525.457.449
Tổng cộng	4.828.609.292	15.776.793.510

5.15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	95.009.696	71.192.104
Kinh phí công đoàn	-	260.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.129.800.000	1.534.390.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.720.570.563	43.864.397.303
Tổng cộng	13.945.380.259	45.729.979.407

(phần tiếp theo trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các khoản phải trả, phải nộp khác chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền đảm bảo thực hiện hợp đồng của Vinamilk	-	30.000.000.000
Cổ tức phải trả	5.796.206.800	3.609.961.700
Vay quỹ tiết kiệm của Công đoàn	5.467.262.067	6.731.941.010
Dự án nhà ở cán bộ công nhân viên	143.661.002	948.448.189
Khác	1.313.440.694	2.574.046.404
Cộng	12.720.570.563	43.864.397.303

5.16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	4.098.325.083	3.066.480.941
Trích lập trong năm	27.007.140.724	8.420.983.624
Sử dụng trong năm	(15.022.256.550)	(7.392.139.482)
Tăng khác	-	3.000.000
Số dư cuối năm	16.083.209.257	4.098.325.083

5.17. Vay và nợ dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	143.086.075.938	139.278.643.484
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả - xem mục 5.10	(38.747.414.121)	(24.737.478.121)
Tổng cộng	104.338.661.817	114.541.165.363

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay bằng VND có thời hạn từ 5 năm đến 20 năm với lãi suất từ 3,9%/năm đến 19,4%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 132.485.903.264 đồng - xem mục 5.5, và tài sản hình thành từ vốn vay có giá trị được định giá là 65.728.000.000 đồng.

(phần tiếp theo trang 23)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.18. Vốn chủ sở hữu

5.18.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	185.316.200.000	154.476.840.000	(1.852.417.625)	27.632.282.412	6.910.585.120	52.982.898.509	425.466.388.416
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	148.872.730.617	148.872.730.617
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(64.860.670.000)	(64.860.670.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	15.450.770.841	3.441.157.951	(27.312.912.416)	(8.420.983.624)
Khác	-	-	1.852.417.625	-	-	(3.232.117.075)	(1.379.699.450)
Số dư đầu năm nay	185.316.200.000	154.476.840.000		43.083.053.253	10.351.743.071	106.449.929.635	499.677.765.959
Tăng vốn năm nay	114.659.600.000	(114.659.600.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	148.922.074.028	148.922.074.028
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(64.860.670.000)	(64.860.670.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	22.330.909.593	7.443.636.531	(60.322.713.142)	(30.548.167.018)
Số dư cuối năm nay	299.975.800.000	39.817.240.000	-	65.413.962.846	17.795.379.602	130.188.620.522	553.191.002.970

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.18.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	33.751.000.000	20.849.400.000
Vốn góp của các đối tượng khác	266.224.800.000	164.466.800.000
Tổng cộng	299.975.800.000	185.316.200.000

5.18.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia trên cổ phiếu phổ thông	64.860.670.000	64.860.670.000

Các đợt chia cổ tức trong năm 2011 như sau:

Cổ tức tạm chia năm 2011 (20%)	37.063.240.000
Cổ tức đợt 2 năm 2010 (15%)	27.797.430.000
Cộng	64.860.670.000

Công ty tạm ứng cổ tức năm 2011 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn chủ sở hữu. Cổ tức năm 2011 sẽ được công bố sau khi tổ chức Đại hội cổ đông năm 2012.

5.18.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	29.997.580	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	29.997.580	18.531.620
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	29.997.580	18.531.620
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.18.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	106.449.929.635	52.982.898.509
Lợi nhuận sau thuế trong năm	148.922.074.028	148.872.730.617
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(22.330.909.592)	(15.450.770.841)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(7.443.636.531)	(3.441.157.951)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(27.007.140.724)	(8.420.983.625)
Chia cổ tức	(64.860.670.000)	(64.860.670.000)
Chi khác	(3.541.026.294)	(3.232.117.074)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	130.188.620.522	106.449.929.635

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	2.548.317.354.277	1.996.873.404.492
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.979.940.924	19.524.260.266
Hàng bán bị trả lại	(23.945.137)	(1.737.035.091)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(1.362.077.998)	(1.245.493.729)
Doanh thu thuần	2.567.911.272.066	2.013.415.135.938

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng	2.287.406.920.010	1.749.692.150.812
Giá vốn cung cấp dịch vụ	13.304.575.484	13.597.099.589
Tổng cộng	2.300.711.495.494	1.763.289.250.401

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi đầu tư trồng mía	22.357.018.873	12.171.403.487
Lãi tiền gửi ngân hàng	10.579.161.117	3.516.941.536
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.208.714.147	285.470.170
Lãi đầu tư chứng khoán	-	711.700.000
Khác	2.118.579.240	1.099.531.681
Tổng cộng	36.263.473.377	17.785.046.874

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay ngân hàng	72.189.604.951	42.526.788.304
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	7.454.344.084	7.025.222.086
Dự phòng tổn thất đầu tư chứng khoán	322.890.000	(4.257.600.000)
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	-	555.000.000
Khác	388.149.906	506.288.782
Tổng cộng	80.354.988.941	46.355.699.172

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.699.242.360	5.539.536.535
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	642.067.059	125.031.072
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.065.615.124	921.845.933
Chi phí tiếp thị, khuyến mãi	4.202.883.831	4.131.357.976
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.277.449.872	11.215.693.556
Chi phí bằng tiền khác	5.856.762.516	4.069.731.713
Tổng cộng	32.744.020.762	26.003.196.785

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	17.445.132.453	11.110.314.062
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	5.806.069.114	187.112.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	561.240.417	502.993.767
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	760.889.980
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.257.328.494	3.681.533.218
Chi phí bằng tiền khác	9.450.614.869	10.687.162.538
Tổng cộng	39.520.385.347	26.930.005.688

6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền khai thác nguồn nguyên liệu ở Gò Cát, Tây Ninh	9.582.275.000	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.000.000	4.617.742.257
Thu nhập khác	1.797.191.420	31.301.500
Tổng cộng	11.381.466.420	4.649.043.757

6.8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	4.591.452.251
Chi phí khác	518.765.759	9.750.000
Tổng cộng	518.765.759	4.601.202.251

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	161.706.555.560	168.669.872.272
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	7.161.713.548	13.884.480.674
Cộng các khoản điều chỉnh giảm	(1.881.000.000)	
Trừ thu nhập khác	(10.539.810.661)	(52.467.323.791)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	156.447.458.447	130.087.029.155
Thuế suất thuế TNDN hiện hành (đã giảm 50%)	7,5%	7,5%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	11.733.559.384	9.756.527.187
Điều chỉnh giảm 30% thuế TDND theo Nghị quyết 08/2011/QH13 ngày 6/8/2011	(1.584.030.517)	-
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác	2.634.952.665	5.926.436.570
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	4.114.177.898
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	12.784.481.532	19.797.141.655

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

6.10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.848.284.075.425	1.285.510.515.083
Chi phí nhân công	89.331.927.433	73.418.067.240
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.508.680.274	31.916.327.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.940.859.273	34.323.628.841
Chi phí khác bằng tiền	74.248.241.591	78.935.775.314
Tổng cộng	2.119.313.783.996	1.504.104.314.219

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Một Thành Viên Hải Vi	Công ty con
2. Tổng Công ty Mía đường II – Công ty TNHH Một Thành Viên	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
3. Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
4. Công ty Cổ phần SXTM Thành Thành Công	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể
5. Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh	Nhà đầu tư có ảnh hưởng đáng kể

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu	9.425.171.522	10.754.144.122
Phải trả	43.938.702.610	62.356.636.513

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	164.091.476.811	116.474.318.436
Mua hàng	36.950.568.278	66.276.120.996
Nhận tiền vay	469.243.893.800	311.319.668.888
Trả nợ vay	489.402.739.562	336.613.065.226
Thu nợ cho vay	1.007.100.000	-
Chi phí lãi vay	31.642.330.207	13.360.650.811

Công ty vay tiền từ các bên có liên quan khi cần để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho đầu tư tài sản cố định. Lãi được trích hoặc phải trả theo lãi suất kinh doanh thông thường. Khoản vay tài trợ cho tài sản cố định được bảo đảm bằng tài sản hình thành từ vốn vay và thời gian hoàn trả trong vòng 8 năm.

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	1.440.000.000	1.440.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc	1.324.788.611	965.761.064
Tổng cộng	2.764.788.611	2.405.761.064

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê cơ sở hạ tầng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 50 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong năm	1.690.480.885	1.370.135.308

Tại ngày 31/12/2011, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	1.699.716.590	1.559.629.416
Trên 1 năm đến 5 năm	8.498.582.950	7.798.147.082
Trên 5 năm	56.090.647.467	54.587.029.577
Tổng cộng	66.288.947.007	63.944.806.075

9. Công cụ tài chính

▪ Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

▪ Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.13.

▪ Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.768.684.421	58.715.074.785
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.772.429.233	52.384.419.829
Đầu tư dài hạn	30.775.710.000	29.217.600.000
Tổng cộng	266.316.823.654	140.317.094.614
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	102.437.306.753	55.487.795.894
Các khoản vay	466.050.757.218	339.316.495.946
Tổng cộng	568.488.063.971	394.804.291.840

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Đô la Mỹ (USD)	14.076.400,00	2.504.166,78	12.557,97	60.142,21
Euro (EUR)	151.165,00	-	250,00	255,03
Đô la Úc (AUD)	12.430,00	-	-	-

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	65.565.806.753	36.871.500.000	102.437.306.753
Các khoản vay	361.712.095.401	104.338.661.817	466.050.757.218

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán và phải trả khác	55.487.795.894	-	55.487.795.894
Các khoản vay	224.775.330.583	114.541.165.363	339.316.495.946

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.768.684.421	-	178.768.684.421
Phải thu khách hàng và phải thu khác	56.772.429.233	-	56.772.429.233
Đầu tư dài hạn	-	30.775.710.000	30.775.710.000

31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	58.715.074.785	-	58.715.074.785
Phải thu khách hàng và phải thu khác	52.384.419.829	-	52.384.419.829
Đầu tư dài hạn	-	29.217.600.000	29.217.600.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG BIÊN HÒA THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phát hành vào ngày 05 tháng 3 năm 2012.

Biên Hòa, ngày 05 tháng 3 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



VÕ CÔNG MINH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN LỘC